



Người thầy lớn của học sinh giỏi toán

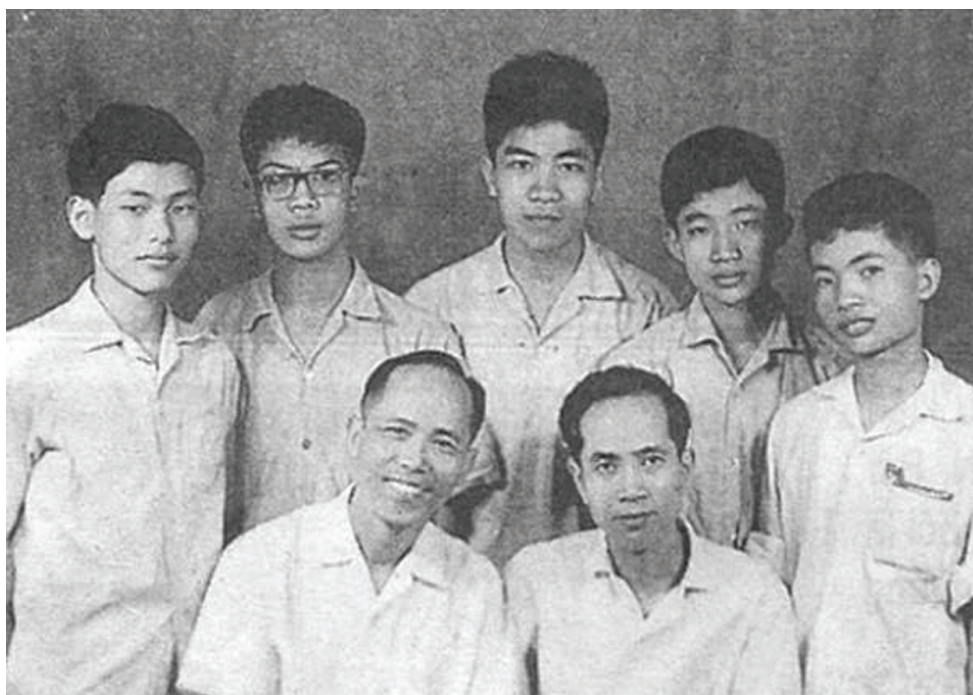
■ GS. TSKH. NGUYỄN DUY TIẾN

Thầy Phan Đức Chính sinh ngày 15/09/1936, tại Sài Gòn. Quê gốc của ông là làng Đông Ngạc, quận Từ Liêm, một làng cổ ven đê sông Hồng với nhiều dòng họ nổi tiếng như: họ Phạm (làm quan), họ Hoàng (trí thức), họ Nguyễn (nhà vua) và họ Phan. Cụ tổ của dòng họ Phan ở đây là Phan Phù Tiên gốc Hà Tĩnh, ra lập cư tại đất này cách đây vào quãng 600 năm. Thân phụ của thầy Chính là cụ ông Phan Tiến Chác, cụ bà Vương Thị Nhã. Hai cụ có 8 người con, 4 trai và 4 gái (thầy Chính là con thứ hai). Cụ Chác là công chức cũ (thời Pháp), có công nuôi giấu cán bộ Cách mạng tại Hà Nội trong thời kỳ tạm chiếm. Từ 1952-1954, ông Chính học trung học tại Albert Sarraut (trường Pháp danh giá nhất thời đó), tốt nghiệp Đại học Sư phạm Khoa học năm 1956 khi tròn 20 tuổi. Sau khi tốt nghiệp đại học, ông là cán bộ giảng dạy Toán học tại Đại học Sư phạm Khoa học. Năm 1956, Đại học Tổng hợp Hà Nội được thành lập (tách ra từ Đại học Sư phạm Khoa Học), ông thuộc biên chế khoa Toán - Lý, Đại học Tổng hợp Hà Nội. Năm 1961 ông được gửi sang Liên Xô làm nghiên cứu sinh dưới sự hướng dẫn của nhà toán học nổi tiếng G. E. Shylov, bảo vệ luận

án phó tiến sĩ (nay là tiến sĩ) Toán- Lý năm 1965 tại đại học danh tiếng Lomonosov (Moskva). Năm đó ông mới 29 tuổi.

Năm 1965, ông trở về Việt Nam, tiếp tục giảng dạy tại Khoa Toán Đại học Tổng hợp Hà Nội. Thời kỳ này là giai đoạn vô cùng khó khăn của đất nước trong cuộc chiến tranh chống Mỹ cứu nước. Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội phải di sơ tán tại Đại Từ (Bắc Thái). Tất cả các lớp học lúc đó đều ở sát núi Tam Đảo, rất đơn sơ và tạm bợ, thiếu thốn mọi phương tiện giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Cùng về công tác với ông lúc đó còn có các thầy: Nguyễn Trường, Trần Vinh Hiến, Phan Văn Hạp, Nguyễn Hữu Ngự, Đào Huy Bích, Nguyễn Bá Hào, Hoàng Hữu Như, Nguyễn Thừa Hạp, Phạm Ngọc Thao. Đây là lớp tiến sĩ đầu tiên được đào tạo rất cơ bản từ đại học tổng hợp Lomonosov về nước phục vụ sự nghiệp giáo dục trong hoàn cảnh chiến tranh ác liệt. Thầy Chính được phân về tổ Giải tích, giảng dạy cho sinh viên năm thứ nhất, năm thứ hai, và ông (là một trong các thầy) dạy đại số cho lớp Chuyên toán đầu tiên của Việt Nam. Trong nhiều năm sau đó, ông vẫn

Thầy Phan Đức Chính cùng Thầy Lê Hải Châu với đội tuyển Việt Nam tham dự IMO 1974





Thầy Phan Đức Chính và học trò GS.TSKH Trần Văn Nhung

tiếp tục các công việc này một cách say sưa và đạt được nhiều kết quả rực rỡ. Ngoài ra, ông còn giảng dạy giải tích hàm và nhiều chuyên đề khác như : Lý thuyết nhóm, Hàm suy rộng, Độ đo và tích phân. Ông là người đầu tiên nghiên cứu độ đo, phiếm hàm tuyến tính và toán tử tuyến tính đo được trong không gian tuyến tính vô số chiều. Các kết quả chính của ông đã được đưa vào sách chuyên khảo: G. E. Shylov, Phan Duc Chinh. Measure, Integral, Derivative in Linear Spaces Nauka, 1967 (tiếng Nga). Cuốn sách chuyên khảo này (có lẽ là sách toán đầu tiên có tác giả người Việt) đã được dịch ra tiếng Anh, tiếng Tiệp và được nhiều nhà toán học trích dẫn.

Tôi và một số đồng nghiệp (là cán bộ trẻ của khoa Toán lúc đó) đã được thầy Chính giảng về Lý thuyết

phổ toán tử tuyến tính, Nửa nhóm và quá trình Markov dưới tiếng máy bay Mỹ đang oanh tạc khu Gang thép Thái Nguyên giữa trưa hè nóng bức, bên dòng suối của xóm Cầu Găng. Ông giảng bài rất say sưa, rõ ràng, chính xác. Dáng người ông gầy gò, hơi gù, cao chừng 1m60, nặng quăng 45kg, đeo kính cận nhẹ. Người nghe bị cuốn hút bởi bài giảng của ông vì tính khoa học, hiện đại và đặc biệt là nhiều ý tưởng.

Có thể nói, những điều tâm huyết về giải tích hàm ông đã viết trong cuốn sách của mình: Giải tích hàm, tập I, Cơ sở Lý Thuyết, NXB Đại Học và Trung Học Chuyên Nghiệp, 1974. Tôi cho rằng đây là cuốn Giải tích hàm đầu tiên và hay nhất bằng tiếng Việt, đến nay vẫn còn giữ nguyên giá trị và được dùng làm tài liệu giảng dạy và nghiên cứu cho



hầu hết các trường đại học Việt Nam. Thế nhưng, có lần (năm 1998) tôi đề nghị ông tái bản thì ông bảo: theo mình thì cần phải viết lại, vì có nhiều kết quả mới cần đưa vào, một số kết quả trong sách đã lạc hậu. Ông đăng không nhiều, nhưng các kết quả của ông được nhiều người biết đến.

Trong nhiều năm dạy khối Phổ Thông Chuyên Toán, ông đã đào tạo được nhiều học sinh xuất sắc, đạt được các giải cao trong các kỳ thi Toán Quốc tế. Một số học sinh cũ của ông sau này đã trở thành những nhà khoa học giỏi, những nhà quản lý tốt, trong số đó có các anh chị: Trần Văn Nhung, Đào Trọng Thi, Hoàng Lê Minh, Nguyễn Đông Anh, Hoàng Ngọc Hà, Phan Vũ Diễm Hằng, Nguyễn Thị Thiệu Hoa, Lê Hồng Văn.. Có thể nói, ông là một trong những thầy có nhiều công sức nhất làm cho khối Phổ Thông Chuyên Toán (ĐHQGHN) nổi tiếng khắp nơi và trở thành đơn vị Anh Hùng (thời kỳ đổi mới). Ngày nay, tất cả các thầy giáo trọng trách của

khối như Nguyễn Vũ Lương, Phạm Văn Hùng, Đỗ Thanh Sơn (là những học sinh cũ của thầy Chính) luôn ngưỡng mộ, tôn kính và ghi nhận sự đóng góp to lớn của ông. Đặc biệt, thầy Chính đã truyền lại cho họ nhiều kinh nghiệm quý báu để luyện thi và dẫn dắt đội tuyển học sinh toán Việt Nam ra nước ngoài tham gia các kỳ Olympiad thế giới.

Kết quả đáng chú ý nhất của ông trong lĩnh vực giảng dạy chuyên toán là cuốn sách: *Bất đẳng thức*, NXB Đại Học và Trung Học Chuyên Nghiệp, 1973.

Ông còn là dịch giả của nhiều cuốn sách về giải tích như: Natanson, *Lý thuyết Hàm số biến số thực*, 1962, Dieudonné J., *Cơ sở Giải tích Toán học*, Tập I. V, Robertson., Robertson., *Không gian vectơ tôpô*, Kurosh, *Đại số cao cấp*. 5. She-Tzen Hu, *Cơ sở Giải tích toán học*, và một số cuốn sách khác.

Tôi nghĩ rằng thầy Chính là người được đào tạo bài bản nhất về Giải tích, tiếp thu được những tinh hoa của hai nền toán học kiểu mẫu: Nga và Pháp. Ông rất thành thạo tiếng Pháp, biết tiếng Anh và tiếng Nga khá tốt. Ngoại ngữ đã giúp ông mở rộng tầm hiểu biết và có nhiều quan hệ quốc tế tốt.

Năm nay (2017), thầy Chính nếu còn sống đã tròn 81 xuân, vợ thầy là bà Lê Mỹ Hạc, có 2 con trai, 3 cháu nội, sống ở ven Hồ Tây thanh bình. Vào những năm cuối đời, thầy đã yếu nhiều, nhưng rất minh mẫn, vẫn thích hút thuốc và uống rượu vang. Ngày trước gia đình thầy sống ở phố 10 Đỗ Hạnh, cạnh phố Vũ Lợi, nơi nhạc sĩ Văn Cao (1923 - 1995) sống những năm gian khổ nhất. Thầy Chính kể rằng ông vẫn thường hay sang chơi, cùng uống rượu và nghe Văn Cao đàn (có lần nhạc sĩ Văn Cao nhận xét, nhờ nói chuyện với ông Chính mà nhạc sĩ hiểu rằng các nhà toán học không khổ khan như nhiều người vẫn tưởng). Đồi lúc tôi nhìn thầy Chính thấy có những nét hơi giống Văn Cao, cũng cái dáng gầy gầy, tóc hơi dài, lưng hơi gù, thích uống rượu và yêu đời bằng Nhạc-Thơ-Toán, không tham chức quyền, không hay xuất hiện trước các phương tiện truyền thông, không phát biểu đại ngôn. Ông là người thầy mẫu mực của nhiều thế hệ, yêu nghề, yêu nước, yêu trò, kính trọng thầy và thế hệ đi trước, dễ gần gũi, có nhiều bạn.